TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1993.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất, thỏa thuận giao con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/01/2013 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Nông Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung theo quy định của pháp luật, không ai được

cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3.Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 75.000 (*Bảy mươi năm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số06033 ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chị H được hoàn lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Văn Mẫn